

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
**\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NÓI 3**

**Số tín chỉ: 02**  
**Trình độ đào tạo: Đại học**  
**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**

**Năm 2018**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

1. Tên học phần: Nói 3

2. Mã học phần: NNA 235

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.

- Tự học: 60 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Nói 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	<a href="mailto:yendhsd@gmail.com">yendhsd@gmail.com</a>
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	<a href="mailto:Tang.huyminh@gmail.com">Tang.huyminh@gmail.com</a>
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	<a href="mailto:Luongnn78@gmail.com">Luongnn78@gmail.com</a>

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Nói 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các tính từ miêu tả trạng thái, sức khỏe, các từ vựng về chủ đề tội phạm, luật pháp, công nghệ, phát minh, công việc, tín ngưỡng, phong tục tập quán, giáo dục, mối quan hệ...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ đề liên quan đến trạng thái, luật pháp, tội phạm, công nghệ, phát minh, sức khỏe, công việc,...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các tính từ miêu tả trạng thái, các từ về chủ đề tội phạm, luật pháp,	2	[1.2.1.1b]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
	công nghệ, phát minh, các tính từ miêu tả tình trạng sức khỏe, các từ vựng thuộc chủ đề công việc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, mối quan hệ...		
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
	Kỹ năng nghe, nói về các chủ đề liên quan đến trạng thái, luật pháp, tội phạm, công nghệ, phát minh, sức khỏe, công việc, ngôn ngữ, phong tục tập quán...	3	[1.2.2.3]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ đã được giảng viên phân công.	3	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Liệt kê được các tính từ miêu tả trạng thái, sức khỏe, các từ vựng về chủ đề tội phạm, luật pháp, công nghệ, phát minh, công việc, mối quan hệ...	1	[2.1.2]
CDR1.2	Đặt câu và vận dụng từ vựng vào giao tiếp	2	[2.1.2]
<b>CDR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CDR2.1	Phát âm đúng các tính từ miêu tả trạng thái, sức khỏe, các từ vựng về chủ đề tội phạm, luật pháp, công nghệ, phát minh, công việc, mối quan hệ...	3	[2.2.6]
CDR2.2	Nghe hiểu các bài thuyết trình, đoạn hội thoại về các chủ đề trong học phần như tội phạm, luật pháp,		

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT</b>
	công nghệ, phát minh, sức khỏe, công việc, phong tục tập quán, mối quan hệ...		
CĐR2.3	Nói về các chủ điểm trong học phần như tội phạm, luật pháp, công nghệ, phát minh, sức khỏe, du lịch, công việc, phong tục tập quán, ngôn ngữ, mối quan hệ...		
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả nhất.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần								
		CDR2					CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Unit 1. Getting acquainted	x		x	x	x	x	x	x	x
2	Unit 2. Expressing yourself		x	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 3. Crime and punishment	x			x		x	x	x	x
4	Unit 4. Surprises and superstitions		x	x		x	x	x	x	x
5	Unit 5. Education and learning	x		x	x	x	x	x	x	x
6	Unit 6. Fame and fortune			x	x		x	x	x	x
7	Unit 7. Around the world	x		x		x	x	x	x	x
8	Unit 8. Technology		x	x	x	x	x	x	x	x
9	Unit 9. Mind and body			x		x	x	x	x	x
10	Unit 10. Spending money	x		x	x	x		x	x	x
11	Unit 11. The news		x	x	x	x	x	x	x	x
12	Unit 12. Relationships			x	x	x	x	x	x	x
13	Unit 13. Adventure	x		x	x		x	x	x	x
14	Unit 14. Self- improvement		x	x	x	x	x	x	x	x

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp (10 phút/1 SV).
- Thi kết thúc học phần: Vấn đáp (01 bài thi, thời gian làm bài: 45 phút).

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút,...

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]- Leo Jones, 2010, *Let's Talk 3*, Cambridge University Press.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]- Karen Kovacs, *Speaking for IELTS*, HarperCollins Publishers.

## 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p><b>Unit 1. Getting acquainted</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các cụm từ dùng giới thiệu làm quen, giới thiệu lần đầu gặp mặt.</li> <li>- Hiểu và sử dụng thành thạo các cụm từ dùng giới thiệu làm quen, giới thiệu lần đầu gặp mặt.</li> <li>- Hội thoại giới thiệu bản thân và giao tiếp với người khác.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>1.1. Successful conversations 1.2. Solving problems</p>	2 (2LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, phát vấn.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích bày các cụm từ dùng giới thiệu làm quen, giới thiệu lần đầu gặp mặt.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</li> <li>+ Nêu vấn đề và trao đổi trước cùng sinh viên.</li> <li>+ Chữa bài cho sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu về cách biểu đạt trong giao tiếp và phương hướng giải quyết một vấn đề nào đó.</li> <li>+ Trả lời câu hỏi, giải quyết vấn đề.</li> <li>+ Hoàn thành part B trang 3 và thảo luận nội dung part C trang 4 TL [1].</li> <li>+ Hoàn thành các bài tập bài số 1 trang 8 TL [2].</li> </ul>	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
2	<p><b>Unit 2. Expressing yourself</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các cụm từ dùng để miêu tả cảm xúc.</li> <li>- Hiểu và sử dụng thành thạo các cụm từ dùng để miêu tả cảm xúc.</li> <li>- Hội thoại sử dụng các tính từ miêu tả và từ vựng trong bài.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>2.1. How do you feel? 2.2. What do you mean?</p>	2 (2LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đặt vấn đề, phát vấn, trực quan.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích các cụm từ dùng để miêu tả cảm xúc.</li> <li>+ Nêu vấn đề cần giải quyết.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</li> <li>+ Chữa bài cho sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu về các tính từ thể hiện tình cảm.</li> <li>+ Hoàn thành part A trang 8</li> </ul>	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			và thảo luận part C trang 10 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài tập bài số 2 trang 16 TL [2].	
3	<b>Unit 3.</b> <b>Crime and punishment</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các cụm từ dùng để miêu tả tội phạm, luật pháp và hình thức xử phạt. - Hiểu và sử dụng thành thạo các cụm từ cụm từ dùng để miêu tả tội phạm, luật pháp và hình thức xử phạt. - Kể được về một vụ việc đã xảy ra rồi. <b>Nội dung cụ thể:</b> 3.1. Breaking the law 3.2. Crime stories	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình, đặt vấn đề, phát vấn, trực quan, giảng giải nội dung bài học.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Phát âm mẫu các từ vựng. + Hướng dẫn sinh viên nghe và nói sử dụng các từ vựng trong bài. <b>- Sinh viên:</b> + Liệt kê các từ vựng về chủ đề tội phạm, luật pháp và hình thức xử phạt. + Hoàn thành part C trang 12 và thảo luận part D trang 15 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài tập bài số 3 trang 24 TL [2].	CDR1.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
4	<b>Unit 4.</b> <b>Surprises and superstitions</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các từ và cụm từ về chủ đề tín ngưỡng, mê tín. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ, các cụm từ về chủ đề tín ngưỡng. - Trình bày về một vài niềm tin, tín ngưỡng ở 1 số nơi trên thế giới. <b>Nội dung cụ thể:</b> 4.1. That's strange! 4.2. Good luck, bad luck	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Trực quan kết hợp với phát vấn.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cụ thể cho cá nhân, nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Tìm hiểu các tính từ miêu tả sự ảnh hưởng của ảo giác và các từ liên qua đến mê tín.	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.



TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			+ Hoàn thành part D trang 19 và thảo luận part B trang 20-21 tài liệu [1]. + Trình bày hiểu biết của bản thân về tín ngưỡng của địa phương mình. + Hoàn thành bài số 4 trang 32 TL [2].	
5	<b>Unit 5.</b> <b>Education and learning</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các từ và cụm từ về chủ đề trường học và các thủ thuật học. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ và cụm từ về trường học và các kỹ thuật học. <b>Nội dung cụ thể:</b> 5.1. School days 5.2. Brain power	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, giảng giải nội dung bài học.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giải thích các cấu trúc, các sử dụng thì tương lai. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Liệt kê các từ vựng về chủ đề đặc điểm ở trường học và các thủ thuật học. + Hoàn thành part C trang 24 và thảo luận Activity 4 trang 27 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài số 5 trang 40 TL [2].	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
6	<b>Unit 6. Fame and fortune</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày về các từ vựng miêu tả sự thành công và liệt kê các từ vựng về chủ đề tiền bạc, tài chính. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng miêu tả sự thành	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, giảng giải, chữa bài tập.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các từ vựng miêu tả sự thành công và liệt kê các từ vựng về chủ đề tiền bạc. + Nêu vấn đề qua các ví dụ,	CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>công và liệt kê các từ vựng về chủ đề tiền bạc.</p> <p>- Trình bày quan điểm của bản thân về sự thành công và giàu sang, sung túc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Success</p> <p>6.2. Wealth</p>		<p>hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Tìm hiểu về các từ vựng miêu tả sự thành công và liệt kê các từ vựng về chủ đề tiền bạc, tài chính.</p> <p>+ Hoàn thành part D trang 31-32 tài liệu [1].</p> <p>+ Thực hiện thuyết trình theo nhóm về bí quyết thành công trong cuộc sống.</p>	
7	<p><b>Unit 7. Around the world</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Trình bày các từ vựng về chủ đề ngôn ngữ, phong tục, tập quán của từng vùng.</p> <p>- Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng về chủ đề ngôn ngữ, phong tục, tập quán của từng vùng.</p> <p>- Trình bày cách học một ngôn ngữ mới.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>7.1. Foreign languages</p> <p>7.2. What's the custom?</p> <p><b>Mid- term test</b></p>	4 (2LT,2KT)	<p><b>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, phát vấn kết hợp với trực quan giảng giải nội dung bài học.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <p>+ Giải thích cấu trúc câu với các giới từ cơ bản, các từ vựng về chủ đề ngôn ngữ, phong tục, tập quán của từng vùng.</p> <p>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Chữa bài cho sinh viên.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Liệt kê các từ vựng về chủ đề ngôn ngữ, phong tục, tập quán của từng vùng.</p> <p>+ Hoàn thành part A trang 36 và thảo luận part D trang 40 tài liệu [1].</p> <p>+ Trả lời các câu hỏi của giảng</p>	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			viên dựa vào gợi ý. + Hoàn thành các bài tập unit 6 trang 48 TL [2]. + Thực hiện bốc thăm kiểm tra nói giữa học phần.	
8	<b>Unit 8. Technology</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày từ vựng về chủ đề phát minh và sản phẩm và công nghệ. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ về chủ đề phát minh và sản phẩm và công nghệ. - Hội thoại sử dụng các từ về chủ đề phát minh và sản phẩm và công nghệ. <b>Nội dung cụ thể:</b> 8.1. What is it exactly? 8.2. Can you explain it?	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải bài học.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các từ vựng liên quan đến phát minh và sản phẩm và công nghệ. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề phát minh và sản phẩm và công nghệ. + Hoàn thành các bài tập mục 8.1 và 8.2 trong TL [1]. + Trả lời câu hỏi dựa vào gợi ý của giảng viên. + Thực hành thuyết minh về một phát minh. + Luyện nói theo bài tập bổ trợ unit 6 trang 48 TL [2].	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
9	<b>Unit 9. Mind and body</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các từ vựng chỉ các hoạt động lành mạnh và không lành mạnh, các phương pháp điều trị để tăng sức khỏe	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải bài học.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các từ vựng liên quan đến các hoạt động lành	CDR2.1, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>và giảm sự căng thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng chỉ các hoạt động lành mạnh và không lành mạnh, các phương pháp điều trị để tăng cường sức khỏe và giảm thiểu sự căng thẳng.</li> <li>- Trình bày cách vượt qua sự căng thẳng và sống khỏe mạnh</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>9.1. Staying healthy 9.2. Coping with stress</p>		<p>manh và không lành mạnh, các phương pháp điều trị để tăng cường sức khỏe và giảm sự căng thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</li> <li>+ Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân, các nhóm.</li> <li>+ Chữa bài cho sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề sức khỏe.</li> <li>+ Hoàn thành các bài tập mục 9.1 và 9.2 trong TL [1].</li> <li>+ Luyện nói theo bài tập hỗ trợ unit 7 trang 56 TL [2].</li> <li>+ Thực hành thuyết trình về cách sống khỏe, sống lành mạnh và giữ dáng.</li> </ul>	
10	<p><b>Unit 10. Spending money</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các tính từ miêu tả quảng cáo, biểu tượng của công ty, thương hiệu hoặc sản phẩm thương mại.</li> <li>- Hiểu và sử dụng thành thạo các tính từ miêu tả quảng cáo, logo hoặc sản phẩm.</li> <li>- Kể lại hoặc chia sẻ về cách chi tiêu của bản thân.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>10.1. Advertising 10.2. Buying and selling</p>	2 (2LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích các từ vựng về lĩnh vực quảng cáo cho biểu tượng của công ty, hoặc thương hiệu của sản phẩm.</li> <li>+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</li> <li>+ Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân.</li> <li>+ Chữa bài cho sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm hiểu các từ vựng về chủ</li> </ul>	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			đề quảng cáo, dịch vụ. + Hoàn thành các bài tập mục 10.1 và 10.2 trong TL [1]. + Luyện nói và làm bài tập bổ trợ unit 8 trang 64 TL [2].	
11	<b>Unit 11. The news</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các từ dùng trong tiêu đề bài báo, tin tức. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ dùng trong tiêu đề bài báo, tin tức. - Kể, tóm tắt về một thể loại tin tức hằng ngày. <b>Nội dung cụ thể:</b> 11.1. What's the story? 11.2. People in the news	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các từ vựng về lĩnh vực báo chí, tin bài. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân về chủ đề tin tức hằng ngày. <b>- Sinh viên:</b> + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề báo chí, tin tức. + Hoàn thành các bài tập mục 11.1 và 11.2 trong TL [1]. + Luyện nói và làm bài tập bổ trợ unit 9 trang 72 TL [2].	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
12	<b>Unit 12. Relationships</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các từ vựng hoặc cụm từ thể hiện mối quan hệ xã hội và về tình bạn, tình cảm đồng nghiệp. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng hoặc cụm từ thể hiện mối quan hệ, tình bạn. - Giới thiệu về mối quan hệ bạn bè, người thân, và đồng nghiệp trong cơ quan.	2 (2LT,0TH)	<b>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Liệt kê các từ vựng hoặc cụm từ thể hiện mối quan hệ trong xã hội và về tình bạn, tình đồng nghiệp. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân về chủ đề tin tức	CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p><b>Nội dung cụ thể:</b> 12.1. Friendship 12.2. Meeting people</p>		<p>hàng ngày. <b>- Sinh viên:</b> + Tra từ và lấy ví dụ cho từ vựng trước khi lên lớp. + Hoàn thành part D trang 63 và thảo luận Activity 4 trang 64 tài liệu [1]. + Hoàn thành các bài tập trang 72 tài liệu [2] và luyện nói theo theo chủ đề.</p>	
13	<p><b>Unit 13. Adventure</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các từ vựng và cụm từ biểu đạt sự rủi ro, mạo hiểm trong cuộc sống. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng hoặc cụm từ biểu đạt sự rủi ro, mạo hiểm. - Trình bày những cảnh báo phải làm để tránh gặp rủi ro trong cuộc sống hàng ngày <b>Nội dung cụ thể:</b> 13.1. Please be careful! 13.2. Taking risks</p>	2 (2LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng và cụm từ biểu đạt sự rủi ro, mạo hiểm trong cuộc sống hàng ngày. + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. <b>- Sinh viên:</b> + Tìm hiểu về cách biểu đạt sự rủi ro, mạo hiểm. + Hoàn thành part C trang 71 và thảo luận Activity 3 trang 73 tài liệu [1]. + Hoàn thành các bài tập Unit 10 trang 80 tài liệu [2].</p>	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
14	<p><b>Unit 14. Self- improvement</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày các tính từ miêu tả giọng nói, tính cách, đặc điểm. - Hiểu và sử dụng thành thạo các tính từ miêu tả giọng nói, tính cách, đặc điểm. - Chia sẻ một số cách để có</p>	2 (2LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải cách sử dụng các tính từ miêu tả giọng nói, tính cách, đặc điểm. + Lấy ví dụ giúp sinh viên</p>	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>được hạnh phúc và thành công</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>14.1. Popularity</p> <p>14.2. Success and hapiness</p>		<p>nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Liệt kê các tính từ miêu tả giọng nói, tính cách.</li> <li>+ Thực hành nói về phương pháp, cách thức để có được hạnh phúc và sự thành công.</li> <li>+ Hoàn thành part B trang 75 và thảo luận part D trang 77 tài liệu [1].</li> <li>+ Tham khảo bài số 11 trang 88 TL [2].</li> <li>+ Thực hành nói, chia sẻ bí quyết để thành công trong cuộc sống.</li> </ul>	

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên